

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quyết T, sinh ngày 01/01/1974.

Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đề nghị xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 074074002902.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 16/6/1982.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú hiện nay: Số B Tổ H, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Căn cước số: 083182017292.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Quyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, anh Nguyễn Quyết T và chị Nguyễn Thị Hương L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống anh T và chị L chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh T và chị L sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị L không có con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Nay anh Nguyễn Quyết T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quyết T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hương L.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ngày 03 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T đăng ký kết hôn ngày 16/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62. Chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2025 do bất đồng quan điểm sống, anh T lừa dối chị L. Chị L và anh T không còn sống chung từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận.

Trước yêu cầu của anh T, chị L có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quyết T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời

gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Anh [Nguyễn Quyết T](#) và chị [Nguyễn Thị Hương L](#) cùng nơi thường trú tại [ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#). Anh [T](#) có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị [Nguyễn Thị Hương L](#). Anh [T](#) đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho anh [T](#) nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và anh [T](#) đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của anh [Nguyễn Quyết T](#) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn anh [Nguyễn Quyết T](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh [T](#) có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh [Nguyễn Quyết T](#).

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh [Nguyễn Quyết T](#), sinh ngày 01/01/1974 và chị [Nguyễn Thị Hương L](#), sinh ngày 16/6/1982 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã [T](#), huyện [B](#), tỉnh [Bến Tre](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 16 tháng 11 năm 2021 nên quan hệ hôn nhân giữa anh [Nguyễn Quyết T](#) và chị [Nguyễn Thị Hương L](#) là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh [Nguyễn Quyết T](#), Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh [T](#) và chị [L](#) hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 01 năm 2025, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến

trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, anh [T](#) và chị [L](#) không còn sống chung từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Anh [T](#) và chị [L](#) đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh [T](#) và chị [L](#) trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [T](#).

[5] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh [T](#) và chị [L](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh [Nguyễn Quyết T](#) là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh [T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh [Nguyễn Quyết T](#) và chị [Nguyễn Thi Hương L](#) ly hôn.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh [Nguyễn Quyết T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006989 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh [Nguyễn Quyết T](#) đã nộp xong án phí.

5. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.TTKT & THA);
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn